

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tào;
- Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Lê Mộng T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: tổ A, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

2/ Bị đơn: Anh Lê Trường G, sinh năm 1980;

Địa chỉ: tổ A, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Chị T, anh G vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Mộng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trường G tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng từ chung sống ban đầu thì hạnh phúc, chỉ đến đầu năm 2021 cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan điểm khi giải quyết việc gia đình nên đã không chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Trường G.

- Về con chung: Chị và anh Lê Trường G chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 30/01/2000, cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 20/01/2002 và cháu Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 30/4/2004, hiện con chung đang sống với anh G. Nếu chị và anh G ly hôn, do các con chung đã thành niên nên chị không có yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Trường G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Mộng T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1998 nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị Lê Mộng T ban đầu hạnh phúc, chỉ từ đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và cãi nhau thường xuyên, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm khi giải quyết chuyện gia đình dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2021. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Lê Mộng T.

- Về con chung: Anh và chị Lê Mộng T chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 30/01/2000, cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 20/01/2002 và cháu Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 30/4/2004, hiện con chung đang sống với anh. Nếu anh và chị T ly hôn, do các con chung đã thành niên nên anh không có yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về tố tụng: Do chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G là vợ chồng.

+ Về con chung: Do các cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 30/01/2000, cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 20/01/2002 và cháu Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 30/4/2004 đã thành niên nên chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết khi chị T và anh G ly hôn, |

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Lê Mộng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Do chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N1 và anh H.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Do chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ghi nhận chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G thỏa thuận do các cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 30/01/2000, cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 20/01/2002 và cháu Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 30/4/2004 đã thành niên nên chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G thống nhất không có yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Mộng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về các vấn đề liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G thỏa thuận do các cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 30/01/2000, cháu Lê Hoàng K, sinh ngày

20/01/2002 và cháu Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 30/4/2004 đã thành niên nên chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G thống nhất không có yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Mộng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004546 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Lê Mộng T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Lê Mộng T và anh Lê Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang